



Hà Nội, ngày 12 tháng 12 năm 2021

PHỤ LỤC

V/v các nội dung sửa đổi, bổ sung Điều lệ Viện IMI theo Luật Doanh nghiệp năm 2020

Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Viện máy và dụng cụ công nghiệp xin báo cáo ĐHCĐ các nội dung dự kiến cần sửa đổi, bổ sung Điều lệ Viện IMI theo quy định tại Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 và Nghị định số 47/2021/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2021 của Chính phủ hướng dẫn thi hành Luật Doanh nghiệp năm 2020 (sau đây gọi tắt là ND47/CP), với các nội dung sửa đổi, bổ sung như sau:

Lưu ý trong bản so sánh:

- *Gạch ngang: được lược bỏ trong điều lệ mới (phần tô màu vàng);*
- *In nghiêng: được bổ sung và/hoặc sửa đổi trong điều lệ mới (phần chữ đỏ, tô màu xanh).*

Điều lệ hiện tại	Điều lệ bổ sung, sửa đổi	Tóm tắt thay đổi chính	Giải trình
PHẦN MỞ ĐẦU	PHẦN MỞ ĐẦU		
Điều lệ sửa đổi này gồm 12 Chương và 82 Điều, được thông qua theo quyết định hợp lệ của Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Viện Máy và Dụng cụ công nghiệp tổ chức chính thức tại Hà Nội vào ngày 29 tháng 6 năm 2018	Điều lệ sửa đổi này gồm 12 Chương và 83 Điều, được thông qua theo quyết định hợp lệ của Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Viện Máy và Dụng cụ công nghiệp theo quy định vào ngày tháng năm 2021	Cập nhật thời gian sửa đổi.	
<p>Điều 1. Giải thích từ ngữ.</p> <p>2. “<i>Công ty mẹ</i>” hoặc “<i>Công ty</i>” là Công ty cổ phần Viện Máy và Dụng cụ công, nghiệp hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, mã số: 0100100128 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 27 tháng 12 năm 2013.</p> <p>4. “<i>Luật Doanh nghiệp</i>” là Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc hội nước Cộng hòa XHCN Việt Nam khóa XIII, thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2014;</p>	<p>Điều 1. Giải thích từ ngữ.</p> <p>2. “<i>Công ty mẹ</i>” hoặc “<i>Công ty</i>” là Công ty cổ phần Viện Máy và Dụng cụ công, nghiệp hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, mã số: 0100100128 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 27 tháng 12 năm 2013, thay đổi 4 ngày ... tháng năm 2021</p> <p>4. “<i>Luật Doanh nghiệp</i>” là Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa XHCN Việt Nam khóa XIV, thông qua ngày 17 tháng 6 năm 2020;</p> <p>6. “<i>Người có quan hệ gia đình</i>” là cá nhân được quy định tại Khoản</p>	<p>Cập nhật thay đổi Giấy CNĐK DN</p> <p>Cập nhật căn cứ sửa đổi.</p> <p>Bổ sung theo</p>	<p>Khoản 22</p>

Điều lệ hiện tại	Điều lệ bổ sung, sửa đổi	Tóm tắt thay đổi chính	Giải trình
<p>9. “Các đơn vị hạch toán phụ thuộc, đơn vị sự nghiệp” là các cơ sở đào tạo, Trung tâm, Viện nghiên cứu trực thuộc do Công ty sở hữu 100% vốn điều lệ, có tư cách pháp nhân không đầy đủ, có điều lệ hoặc quy chế hoạt động theo các quy định hiện hành về tổ chức khoa học công nghệ và đào tạo ngoài công lập;</p>	<p>22 Điều 4 Luật Doanh nghiệp;</p> <p>10. “Đơn vị sự nghiệp” là các cơ sở đào tạo, Trung tâm, Viện nghiên cứu trực thuộc và do Công ty sở hữu 100% vốn điều lệ, có tư cách pháp nhân không đầy đủ, có điều lệ và/hoặc quy chế hoạt động theo các quy định hiện hành về tổ chức khoa học công nghệ và đào tạo do doanh nghiệp thành lập;</p> <p>11. “Các đơn vị hạch toán phụ thuộc” là chi nhánh, văn phòng đại diện và loại hình tổ chức khác của Công ty theo quy định của pháp luật, trực thuộc và do Công ty sở hữu 100% vốn, có tư cách pháp nhân không đầy đủ, có điều lệ và/hoặc quy chế hoạt động theo các quy định hiện hành.</p> <p>16. “Công thông tin doanh nghiệp” là Công thông tin điện tử quy định tại khoản 4 Điều 2 Nghị định số 47/2021/NĐ-CP ngày 01/4/2021 của Chính phủ.</p> <p>17. “Người được uỷ quyền công bố thông tin” là cá nhân được Công ty uỷ quyền thực hiện công bố thông tin; có thẩm quyền ký, đóng dấu theo quy định nội bộ của Công ty.</p>	<p>quy định PL</p> <p>Tách thành 2 khoản để phù hợp quy định hiện hành.</p> <p>Bổ sung theo quy định PL</p>	<p>Điều 4 Luật doanh nghiệp 2020</p> <p>Khoản 4, khoản 5, 6 Điều 2 NĐ47/CP</p>
<p>Điều 7. Đại diện theo pháp luật của Công ty.</p>	<p>Điều 7. Đại diện theo pháp luật của Công ty.</p> <p>2. Quyền, nghĩa vụ, trách nhiệm của người đại diện theo pháp luật của Công ty theo quy định tại Điều 13 Luật Doanh nghiệp, các quy định của Pháp luật liên quan và quy định của Điều lệ Công ty.</p>	<p>Bổ sung quy định về người đại diện theo pháp luật.</p>	<p>Khoản 2 Điều 24 Luật doanh nghiệp 2020</p>
<p>Điều 10. Nghĩa vụ của Công ty trong hoạt động khoa học công nghệ và đào tạo.</p>	<p>Điều 10. Nghĩa vụ của Công ty trong hoạt động khoa học công nghệ và đào tạo.</p> <p>3. Quản lý, sử dụng tài sản trang bị để thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ ngân sách cấp.</p> <p>a) Khi kết thúc nhiệm vụ khoa học và công nghệ ngân sách cấp, Công ty thực hiện lập phương án xử lý tài sản trang bị theo hình thức mua tài sản hoặc giao quyền sử dụng tài sản cho Viện IMI, báo cáo cơ quan nhà nước có thẩm quyền xem xét, quyết định.</p> <p>b) Công ty trách nhiệm.</p>	<p>Bổ sung nhằm phù hợp chức năng, nhiệm vụ của Viện theo quy định.</p>	<p>Điều 6 NĐ số 72/2018/NĐ-CP</p>

Điều lệ hiện tại	Điều lệ bổ sung, sửa đổi	Tóm tắt thay đổi chính	Giải trình
	<ul style="list-style-type: none"> - <i>Quản lý, sử dụng tài sản để thực hiện nhiệm vụ đúng mục đích; lập, mở sổ theo dõi riêng tài sản, quản lý, lưu trữ hồ sơ về tài sản; báo cáo thông tin về tài sản vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về tài sản công theo quy định.</i> - <i>Dự trù, bố trí kinh phí từ nguồn kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ để thực hiện việc bảo dưỡng, sửa chữa tài sản theo quy định.</i> - <i>Kiểm kê và thực hiện chế độ báo cáo tài sản theo yêu cầu của cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt nhiệm vụ khoa học và công nghệ.</i> 		
<p>Điều 17. Chứng chỉ cổ phiếu.</p> <p>1. Cổ phiếu là chứng chỉ do Công ty phát hành, bút toán ghi số hoặc dữ liệu điện tử xác nhận quyền sở hữu một hoặc một phần hoặc một số cổ phần của Công ty (cổ phiếu phải có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 1 Điều 120 Luật doanh nghiệp 2014)</p>	<p>Điều 17. Chứng chỉ cổ phiếu.</p> <p>1. Cổ phiếu là chứng chỉ do Công ty phát hành, bút toán ghi số hoặc dữ liệu điện tử xác nhận quyền sở hữu một hoặc một phần hoặc một số cổ phần của Công ty (cổ phiếu phải có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 1 Điều 121 Luật doanh nghiệp 2020).</p>	Cập nhật căn cứ pháp.	
<p>Điều 19. Chào bán cổ phần.</p> <p>1. Cổ phần phổ thông phải được ưu tiên chào bán cho các cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của họ trong công ty, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quy định khác. Công ty phải thông báo việc chào bán cổ phần, trong thông báo phải nêu rõ số cổ phần được chào bán và thời hạn đăng ký mua phù hợp (tối thiểu hai mươi (20) ngày làm việc) để cổ đông có thể đăng ký mua. Số cổ phần cổ đông không đăng ký mua hết sẽ do Hội đồng quản trị Công ty quyết định. Hội đồng quản trị có thể phân phối số cổ phần đó cho các đối tượng khác theo các điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp, nhưng không được bán số cổ phần đó theo các điều kiện thuận lợi hơn so với những điều kiện đã chào bán cho các cổ đông hiện hữu. trừ trường hợp cổ phần được bán qua Sở giao dịch chứng khoán theo phương thức đấu giá.</p>	<p>Điều 19. Chào bán cổ phần.</p> <p>1. Cổ phần phổ thông phải được ưu tiên chào bán cho các cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của họ trong công ty, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quy định khác. Công ty phải thông báo việc chào bán cổ phần, trong thông báo phải nêu rõ số cổ phần được chào bán và thời hạn đăng ký mua phù hợp (tối thiểu hai mươi (20) ngày làm việc) để cổ đông có thể đăng ký mua. Số cổ phần cổ đông không đăng ký mua hết sẽ do Hội đồng quản trị Công ty quyết định. Hội đồng quản trị có thể phân phối số cổ phần đó cho các đối tượng khác theo các điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp, nhưng không được bán số cổ phần đó theo các điều kiện thuận lợi hơn so với những điều kiện đã chào bán cho các cổ đông hiện hữu.</p>	Lược bỏ theo quy định Pháp luật.	Khoản 3 Điều 124 Luật doanh nghiệp 2020

Điều lệ hiện tại	Điều lệ bổ sung, sửa đổi	Tóm tắt thay đổi chính	Giải trình
<p>Công ty có thể mua cổ phần do chính Công ty đã phát hành theo những cách thức được quy định trong Điều lệ này và pháp luật hiện hành. Cổ phần do Công ty mua lại là cổ phần chưa bán hết cổ phiếu quỹ và Hội đồng quản trị có thể chào bán theo những cách thức phù hợp với quy định của Điều lệ này, Luật Doanh nghiệp chứng khoán và các văn bản hướng dẫn liên quan.</p>			
<p>Điều 24. Thu hồi cổ phần. 4. Cổ phần bị thu hồi sẽ trở thành tài sản của Công ty. Hội đồng quản trị có thể trực tiếp hoặc ủy quyền bán, tái phân phối hoặc giải quyết cho người đã sở hữu cổ phần bị thu hồi hoặc các đối tượng khác theo những điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp.</p>	<p>Điều 24. Thu hồi cổ phần. 1. Cổ phần bị thu hồi được coi là cổ phần chưa bán. Công ty phải làm thủ tục điều chỉnh giảm vốn điều lệ tương ứng với tổng giá trị mệnh giá các cổ phần được Công ty thu hồi trong thời hạn mười (10) ngày, kể từ ngày hoàn thành việc thu hồi.</p>	Lược bỏ theo quy định Pháp luật.	Khoản 3 Điều 124 Luật doanh nghiệp 2020
<p>Điều 25. Cơ cấu tổ chức quản lý.</p>	<p>Điều 25. Cơ cấu tổ chức quản lý. g) Hội đồng khoa học.</p>	Bổ sung nhằm phù hợp chức năng, nhiệm vụ của Viện.	
<p>Điều 27. Quyền của cổ đông. 4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ 10% tổng số cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục từ sáu (06) tháng trở lên có các quyền sau: e) xét và trích lục sổ biên bản và các nghị quyết của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính giữa năm và hằng năm theo mẫu của hệ thống kế toán Việt Nam và các báo cáo của Ban kiểm soát.</p>	<p>Điều 27. Quyền của cổ đông. 4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ 05% tổng số cổ phần phổ thông có các quyền sau: e) Xem xét, tra cứu, trích lục sổ biên bản và các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính giữa năm và hằng năm theo mẫu của hệ thống kế toán Việt Nam và các báo cáo của Ban kiểm soát, hợp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Công ty</p>	Sửa cho phù hợp. Bổ sung cho phù hợp.	Khoản 2 Điều 115 Luật DN năm 2020
<p>Điều 28. Nghĩa vụ của cổ đông. Cổ đông có các nghĩa vụ sau: 1. Tuân thủ Điều lệ của Công ty và các quy chế quản lý nội bộ của công ty; chấp hành nghị quyết, quyết định của Đại</p>	<p>Điều 28. Nghĩa vụ của cổ đông. Cổ đông có các nghĩa vụ sau: 1. Tuân thủ Điều lệ của Công ty và các quy chế quản lý nội bộ của công ty; chấp hành nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ</p>	Bổ sung cho phù hợp	Điều 119 Luật doanh nghiệp 2020

Điều lệ hiện tại	Điều lệ bổ sung, sửa đổi	Tóm tắt thay đổi chính	Giải trình
<p>hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị;</p> <p>2. Tham gia các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền hoặc thực hiện bỏ phiếu từ xa. Cổ đông có thể ủy quyền cho thành viên Hội đồng quản trị làm đại diện cho mình tại Đại hội đồng cổ đông.</p> <p>3. Thanh toán đủ và đúng thời hạn số cổ phần cam kết mua;</p> <p>4. Cung cấp địa chỉ chính xác khi đăng ký mua cổ phần;</p> <p>5. Thực hiện các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật hiện hành;</p>	<p>đồng, Hội đồng quản trị;</p> <p>2. Tham gia các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền hoặc thực hiện bỏ phiếu từ xa. Cổ đông có thể ủy quyền cho thành viên Hội đồng quản trị làm đại diện cho mình tại Đại hội đồng cổ đông.</p> <p>3. Thanh toán đủ và đúng thời hạn số cổ phần cam kết mua;</p> <p>4. Cung cấp địa chỉ chính xác khi đăng ký mua cổ phần;</p> <p>5. <i>Không được rút vốn đã góp bằng cổ phần phổ thông ra khỏi công ty dưới mọi hình thức, trừ trường hợp được công ty hoặc người khác mua lại cổ phần. Trường hợp có cổ đông rút một phần hoặc toàn bộ vốn cổ phần đã góp trái với quy định tại khoản này thì cổ đông đó và người có lợi ích liên quan trong công ty phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của công ty trong phạm vi giá trị cổ phần đã bị rút và các thiệt hại xảy ra.</i></p> <p>6. <i>Bảo mật các thông tin được công ty cung cấp theo quy định tại Điều lệ công ty và pháp luật; chỉ sử dụng thông tin được cung cấp để thực hiện và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình; nghiêm cấm phát tán hoặc sao, gửi thông tin được công ty cung cấp cho tổ chức, cá nhân khác.</i></p> <p>7. Thực hiện các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật hiện hành;</p>		
<p>Điều 29. Quy định chung về Đại hội đồng cổ đông.</p> <p>1. Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty, Đại hội đồng cổ đông thường niên được tổ chức mỗi năm một (01) lần. Ngoài cuộc họp thường niên, Đại hội đồng cổ đông có thể họp bất thường. Đại hội đồng cổ đông phải họp thường niên trong thời hạn bốn (04) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. <i>Trong trường hợp cần thiết Hội đồng quản trị đề nghị Cơ quan đăng ký kinh doanh gia hạn thời gian tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên, nhưng không quá 06 tháng, kể từ ngày kết thúc năm tài chính.</i></p>	<p>Điều 29. Quy định chung về Đại hội đồng cổ đông.</p> <p>1. Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty, Đại hội đồng cổ đông thường niên được tổ chức mỗi năm một (01) lần. Ngoài cuộc họp thường niên, Đại hội đồng cổ đông có thể họp bất thường. Đại hội đồng cổ đông phải họp thường niên trong thời hạn bốn (04) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. <i>Hội đồng quản trị quyết định gia hạn họp Đại hội đồng cổ đông thường niên trong trường hợp cần thiết, nhưng không quá 06 tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính.</i></p>	<p>Bỏ quy định đề nghị Cơ quan đăng ký kinh doanh gia hạn thời gian tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên.</p>	<p>Khoản 2 Điều 139 Luật Doanh nghiệp 2020</p>

Điều lệ hiện tại	Điều lệ bổ sung, sửa đổi	Tóm tắt thay đổi chính	Giải trình
<p>3. Hội đồng quản trị phải triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:</p> <p>e) Ban kiểm soát yêu cầu triệu tập cuộc họp nếu Ban kiểm soát có lý do tin tưởng rằng các thành viên Hội đồng quản trị hoặc cán bộ quản lý cấp cao vi phạm nghiêm trọng các trách nhiệm của họ theo Điều 160 Luật Doanh nghiệp hoặc Hội đồng quản trị hành động hoặc có ý định hành động ngoài phạm vi quyền hạn của mình.</p> <p>4. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường.</p> <p>b) Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điểm a Khoản 4 Điều này thì trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo, Ban kiểm soát phải thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định Khoản 5 Điều 136 Luật Doanh nghiệp.</p> <p>c) Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điểm b Khoản 4 Điều này thì trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo thì cổ đông hoặc nhóm cổ đông có yêu cầu quy định tại Điểm d Khoản 3 Điều này có quyền đại diện Công ty triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định Khoản 6 Điều 136 Luật Doanh nghiệp.</p>	<p>3. Hội đồng quản trị phải triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:</p> <p>e) Theo yêu cầu của Ban kiểm soát.</p> <p>4. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường.</p> <p>b) Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điểm a Khoản 4 Điều này thì trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo, Ban kiểm soát phải thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định Khoản 5 Điều 136 Luật Doanh nghiệp Khoản 3 Điều 140 Luật Doanh nghiệp.</p> <p>c) Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điểm b Khoản 4 Điều này thì trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo thì cổ đông hoặc nhóm cổ đông có yêu cầu quy định tại Điểm d Khoản 3 Điều này có quyền đại diện Công ty triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định Khoản 6 Điều 136 Luật Doanh nghiệp Khoản 4 Điều 140 Luật Doanh nghiệp.</p>	<p>Bổ sung cho phù hợp</p> <p>Cập nhật căn cứ pháp.</p>	<p>Điều 140 Luật Doanh nghiệp 2020</p>
<p>Điều 30. Quyền và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông.</p> <p>1. Đại hội đồng cổ đông thường niên thảo luận và thông qua các vấn đề sau:</p> <p>e) Mức cổ tức đối với mỗi cổ phần của từng loại;</p> <p>g) Lựa chọn công ty kiểm toán;</p> <p>2. Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường thông qua quyết định bằng văn bản về các vấn đề sau:</p>	<p>Điều 30. Quyền và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông.</p> <p>1. Đại hội đồng cổ đông thường niên thảo luận và thông qua các vấn đề sau:</p> <p>e) Mức cổ tức hàng năm đối với mỗi cổ phần của từng loại;</p> <p>g) Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán độc lập; lựa chọn công ty kiểm toán độc lập, bãi miễn kiểm toán viên độc lập khi xét thấy cần thiết;</p> <p>2. Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường thông qua quyết định bằng văn bản về các vấn đề sau:</p> <p>f) Phê duyệt quy chế nội bộ về quản trị Công ty; quy chế hoạt động</p>	<p>Bổ sung, sửa đổi cho phù hợp</p>	<p>Khoản 2 Điều 138 Luật Doanh nghiệp 2020</p>

Điều lệ hiện tại	Điều lệ bổ sung, sửa đổi	Tóm tắt thay đổi chính	Giải trình
<p>m) Công ty hoặc các chi nhánh của Công ty ký kết hợp đồng với những người được quy định tại Khoản 1 Điều 162 của Luật Doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn 20% tổng giá trị tài sản của Công ty và các chi nhánh của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất;</p>	<p>Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát; m) Công ty hoặc các chi nhánh của Công ty ký kết hợp đồng, giao dịch với những người có liên quan được quy định tại Khoản 1 Điều 167 của Luật Doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn 20% tổng giá trị tài sản của Công ty và các chi nhánh của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất; n) Xem xét, xử lý vi phạm của thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên gây thiệt hại cho Công ty và cổ đông Công ty;</p>		
<p>Điều 31. Các đại diện được ủy quyền.</p> <p>2. Việc uỷ quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông phải lập thành văn bản theo mẫu của Công ty và phải có chữ ký theo quy định sau đây:</p>	<p>Điều 31. Các đại diện được ủy quyền.</p> <p>2. Việc uỷ quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông phải lập thành văn bản theo quy định của pháp luật về dân sự, phải nêu rõ tên cá nhân, tổ chức được ủy quyền và số lượng cổ phần được ủy quyền, phải có chữ ký theo quy định sau đây:</p>	<p>Bổ sung, sửa đổi cho phù hợp</p>	<p>Khoản 2 Điều 144 Luật Doanh nghiệp 2020</p>

Điều lệ hiện tại	Điều lệ bổ sung, sửa đổi	Tóm tắt thay đổi chính	Giải trình
<p>Điều 33. Triệu tập Đại hội đồng cổ đông, chương trình họp và thông báo họp Đại hội đồng cổ đông.</p> <p>2. Người triệu tập Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện những nhiệm vụ sau đây:</p> <p>a) Lập danh sách các cổ đông có quyền dự họp và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông dựa trên sổ đăng ký cổ đông của Công ty. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không sớm hơn năm (05) ngày trước ngày gửi giấy mời họp Đại hội đồng cổ đông; chương trình họp và các tài liệu theo quy định phù hợp với luật pháp và các quy định của Công ty; danh sách và thông tin chi tiết của các ứng cử viên trong trường họp bầu thành viên Hội đồng quản trị, kiểm soát viên;</p> <p>3. Thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông phải được gửi trước ít nhất mười (10) ngày trước ngày họp Đại hội đồng cổ đông.</p> <p>5. Thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông phải được gửi kèm theo các tài liệu sau đây:</p> <p>a) Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp và dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp;</p> <p>b) Phiếu biểu quyết;</p> <p>e) Mẫu giấy ủy quyền dự họp.</p> <p>8. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền từ chối những kiến nghị liên quan đến Khoản 7 Điều này trong các trường họp sau:</p> <p>b) Vào thời điểm kiến nghị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không có đủ ít nhất 10% cổ phần phổ thông trong thời gian liên tục ít nhất sáu tháng;</p>	<p>Điều 33. Triệu tập Đại hội đồng cổ đông, chương trình họp và thông báo họp Đại hội đồng cổ đông.</p> <p>2. Người triệu tập Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện những nhiệm vụ sau đây:</p> <p>a) Lập danh sách các cổ đông có quyền dự họp và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông dựa trên sổ đăng ký cổ đông của Công ty. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không sớm hơn mười (10) ngày trước ngày gửi giấy mời họp Đại hội đồng cổ đông; chương trình họp và các tài liệu theo quy định phù hợp với luật pháp và các quy định của Công ty; danh sách và thông tin chi tiết của các ứng cử viên trong trường họp bầu thành viên Hội đồng quản trị, kiểm soát viên;</p> <p>3. Thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông phải được gửi trước ít nhất hai mươi một (21) ngày trước ngày họp Đại hội đồng cổ đông.</p> <p>5. Thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông phải được gửi kèm theo các tài liệu sau đây:</p> <p>a) Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp và dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp;</p> <p>b) Phiếu biểu quyết;</p> <p>8. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền từ chối bằng văn bản, nêu rõ lý do và gửi cho cổ đông kiến nghị trước ít nhất 02 ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp ĐHĐCĐ với những kiến nghị liên quan đến Khoản 7 Điều này trong các trường họp sau:</p> <p>b) Vào thời điểm kiến nghị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không có đủ ít nhất 05% cổ phần phổ thông;</p>	<p>Sửa thời gian cho phù hợp</p> <p>Sửa thời gian cho phù hợp</p> <p>Bỏ quy định việc ủy quyền phải lập theo mẫu do Công ty phát hành. Bổ sung, sửa đổi phù hợp quy định.</p>	<p>Điều 141 Luật Doanh nghiệp 2020</p> <p>Điều 141 Luật Doanh nghiệp 2020</p> <p>Điều 143, 144 Luật Doanh nghiệp 2020</p> <p>Khoản 3 Điều 142 Luật Doanh nghiệp 2020.</p>

Điều lệ hiện tại	Điều lệ bổ sung, sửa đổi	Tóm tắt thay đổi chính	Giải trình
<p>Điều 35. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông.</p> <p>8. Chủ toạ đại hội có thể hoãn đại hội khi có sự nhất trí hoặc yêu cầu của Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số lượng đại biểu dự họp cần thiết.</p> <p>13. Trong Điều lệ này (trừ khi hoàn cảnh yêu cầu khác), mọi cổ đông được coi là tham gia đại hội ở địa điểm chính của đại hội.</p> <p>Hàng năm Công ty tổ chức Đại hội đồng cổ đông ít nhất một (01) lần. Đại hội đồng cổ đông thường niên không được tổ chức dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.</p>	<p>Điều 35. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông.</p> <p>8. Chủ toạ Đại hội có quyền hoãn cuộc họp Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số người đăng ký dự họp tối đa không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày cuộc họp dự định khai mạc và chỉ được hoãn cuộc họp hoặc thay đổi địa điểm họp trong trường hợp sau đây: Địa điểm họp không có đủ chỗ ngồi thuận tiện cho tất cả người dự họp;</p> <p>Phương tiện thông tin tại địa điểm họp không bảo đảm cho cổ đông dự họp tham gia, thảo luận và biểu quyết;</p> <p>Có người dự họp cản trở, gây rối trật tự, có nguy cơ làm cho cuộc họp không được tiến hành một cách công bằng và hợp pháp;.</p> <p>13. Trong Điều lệ này (trừ khi hoàn cảnh yêu cầu khác), mọi cổ đông được coi là tham gia dự và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông khi thực hiện và đáp ứng quy định tại Khoản 3 Điều 31 Điều lệ này;.</p>	<p>Bỏ nội dung trùng lặp khoản 1 Điều 29 và mâu thuẫn với khoản 1 Điều 36.</p>	
<p>Điều 36. Thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.</p> <p>2. Trừ trường hợp quy định tại Khoản 3 Điều này, các quyết định của Đại hội đồng cổ đông về các vấn đề sau đây sẽ được thông qua khi có từ 51% trở lên tổng số phiếu bầu của các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại Đại hội đồng cổ đông:</p> <p>a) Thông qua báo cáo tài chính năm;</p>	<p>Điều 36. Thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.</p> <p>2. Trừ trường hợp quy định tại Khoản 3 Điều này, các quyết định của Đại hội đồng cổ đông về các vấn đề sau đây sẽ được thông qua khi có từ 51% trở lên tổng số phiếu bầu của các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại Đại hội đồng cổ đông:</p> <p>a) Thông qua báo cáo tài chính kiểm toán năm;</p> <p><i>4. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông phải được thông báo đến cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày thông qua; trường hợp công ty có trang thông tin điện tử, việc gửi nghị quyết có thể thay thế bằng việc đăng tải lên</i></p>	<p>Bổ sung thêm khoản 4, khoản 5 Điều 36.</p>	<p>Khoản 5, Khoản 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp 2020</p>

Điều lệ hiện tại	Điều lệ bổ sung, sửa đổi	Tóm tắt thay đổi chính	Giải trình
	<p><i>trang thông tin điện tử của Công ty.</i></p> <p><i>5. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông về nội dung làm thay đổi bất lợi quyền và nghĩa vụ của cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi chỉ được thông qua nếu được số cổ đông ưu đãi cùng loại dự họp sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành hoặc được các cổ đông ưu đãi cùng loại sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành trong trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.</i></p>		
<p>Điều 37. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.</p> <p>6. Biên bản kiểm phiếu phải được gửi đến các cổ đông trong thời hạn mười lăm (15) ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu. Trường hợp Công ty có trang thông tin điện tử, việc gửi biên bản kiểm phiếu có thể thay thế bằng việc đăng tải lên trang thông tin điện tử của Công ty;</p>	<p>Điều 37. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.</p> <p>6. Biên bản kiểm phiếu <i>và nghị quyết</i> phải được gửi đến các cổ đông trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu. Trường hợp công ty có trang thông tin điện tử, việc gửi biên bản kiểm phiếu <i>và nghị quyết</i> có thể thay thế bằng việc đăng tải lên trang thông tin điện tử của công ty;</p>	Bổ sung cho phù hợp	Khoản 6 Điều 149 Luật Doanh nghiệp 2020
<p>Điều 38. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông.</p> <p>1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt và có các nội dung chủ yếu sau đây:</p> <p>i) Chữ ký của chủ tọa và thư ký.</p>	<p>Điều 38. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông.</p> <p>1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt và có các nội dung chủ yếu sau đây:</p> <p>i) Chữ ký của chủ tọa và thư ký.</p> <p><i>Trường hợp chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp thì biên bản này có hiệu lực nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại khoản này. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp.</i></p>	Bổ sung cho phù hợp	Khoản 1 Điều 150 Luật Doanh nghiệp 2020
<p>Điều 39. Yêu cầu hủy bỏ nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.</p> <p>2. <i>Trình tự, thủ tục ra quyết định và</i> Nội dung Nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ công ty.</p>	<p>Điều 39. Yêu cầu hủy bỏ nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.</p> <p>2. Nội dung Nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ công ty.</p>	Bổ nội uội dung trùng lặp với khoản 1 Điều 39.	

Điều lệ hiện tại	Điều lệ bổ sung, sửa đổi	Tóm tắt thay đổi chính	Giải trình
<p>Điều 40. Hiệu lực các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.</p> <p>2. Các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự, thủ tục thông qua nghị quyết đó không được thực hiện đúng như quy định.</p>	<p>Điều 40. Hiệu lực các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.</p> <p>2. Các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự, thủ tục triều tập họp và thông qua nghị quyết đó không được thực hiện đúng như quy định.</p>	Bổ sung cho phù hợp	Khoản 2 Điều 152 Luật Doanh nghiệp 2020
<p>Điều 41. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị.</p> <p>2. Các cổ đông nắm giữ cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (06) tháng có quyền gộp số quyền biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% đến dưới 10% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 10% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ 50% trở lên được đề cử đủ số ứng viên theo số lượng nêu tại Khoản 1 Điều này.</p>	<p>Điều 41. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị.</p> <p>2. Các cổ đông nắm giữ cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty có quyền gộp số quyền biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% đến dưới 10% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 10% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ 50% trở lên được đề cử đủ số ứng viên theo số lượng nêu tại Khoản 1 Điều này.</p>	Bỏ bớt quy định trong Điều lệ phù hợp theo quy định pháp luật.	
<p>Điều 42. Quyền và nhiệm vụ của Hội đồng quản trị.</p> <p>4. Những vấn đề sau đây phải được Hội đồng quản trị phê chuẩn:</p> <p>c. Trong phạm vi quy định tại Khoản 2 Điều 149 Luật Doanh nghiệp và trừ trường hợp quy định tại Khoản 3 Điều 162 Luật Doanh nghiệp phải do Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn, Hội đồng quản trị tùy từng thời điểm quyết định việc thực hiện, sửa đổi và huỷ bỏ các hợp đồng lớn của Công ty (bao gồm các hợp đồng mua, bán, sáp nhập, thuê công ty và liên doanh);</p>	<p>Điều 42. Quyền và nhiệm vụ của Hội đồng quản trị.</p> <p>3. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp và Điều lệ Công ty và quyết định của Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nhiệm vụ sau:</p> <p>k) Trình báo cáo tài chính hằng năm đã kiểm toán lên Đại hội đồng cổ đông</p> <p>4. Những vấn đề sau đây phải được Hội đồng quản trị phê chuẩn:</p> <p>c. Trong phạm vi quy định tại Khoản 2 Điều 153 Luật Doanh nghiệp và trừ trường hợp quy định tại Khoản 3 Điều 167 Luật Doanh nghiệp phải do Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn, Hội đồng quản trị tùy từng thời điểm quyết định việc thực hiện, sửa đổi và huỷ bỏ các hợp đồng lớn của Công ty (bao gồm các hợp đồng mua, bán, sáp nhập, thuê công ty và liên doanh);</p>	Bổ sung cho phù hợp	Cập nhật căn cứ pháp luật.

Điều lệ hiện tại	Điều lệ bổ sung, sửa đổi	Tóm tắt thay đổi chính	Giải trình
<p>e) Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng khác có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;</p>	<p>e) Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng khác có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty, trừ các hợp đồng nêu tại điểm k khoản 2 Điều 30 Điều lệ này;</p>		
<p>Điều 43. Tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Hội đồng quản trị.</p> <p>1. Thành viên Hội đồng quản trị phải có các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:</p> <p>a) Có đủ năng lực hành vi dân sự, không thuộc đối tượng không được quản lý doanh nghiệp theo quy định tại khoản 2 Điều 18 Luật Doanh nghiệp.</p> <p>c) Thành viên Hội đồng quản trị Công ty không được là vợ hoặc chồng, cha, cha nuôi, mẹ, mẹ nuôi, con, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột, anh rể, em rể, chị dâu, em dâu của Tổng giám đốc và cán bộ quản lý khác của Công ty; không được là người có liên quan của người quản lý, người có thẩm quyền bổ nhiệm người quản lý Công ty.</p>	<p>Điều 43. Tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Hội đồng quản trị.</p> <p>1. Thành viên Hội đồng quản trị phải có các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:</p> <p>a) Có đủ năng lực hành vi dân sự, không thuộc đối tượng không được quản lý doanh nghiệp theo quy định tại khoản 2 Điều 17 Luật Doanh nghiệp.</p> <p>c) Thành viên Hội đồng quản trị Công ty không được là người có quan hệ gia đình của Tổng giám đốc và cán bộ quản lý khác của Công ty; của người quản lý, người có thẩm quyền bổ nhiệm người quản lý Công ty.</p>	<p>Cập nhật, bổ sung, sửa đổi theo quy định pháp luật.</p>	<p>Điểm d khoản 1 Điều 135 Luật Doanh nghiệp 2020</p>
<p>Điều 45. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị.</p> <p>8. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị lần thứ nhất chỉ được tiến hành các quyết định khi có ít nhất ba phần tư (3/4) số thành viên Hội đồng quản trị có mặt trực tiếp hoặc thông qua người đại diện (người được uỷ quyền).</p> <p>Trường hợp không đủ số thành viên dự họp theo quy định, cuộc họp phải được triệu tập lại trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp triệu tập lại được tiến hành nếu có hơn một nửa (1/2) số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.</p>	<p>Điều 45. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị.</p> <p>8. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị.</p> <p>a) Cuộc họp lần thứ nhất chỉ được tiến hành các quyết định khi có ít nhất ba phần tư (3/4) số thành viên Hội đồng quản trị có mặt trực tiếp hoặc thông qua người đại diện (người được uỷ quyền).</p> <p>b) Trường hợp không đủ số thành viên dự họp theo quy định, cuộc họp phải được triệu tập lại trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp triệu tập lại được tiến hành nếu có hơn một nửa (1/2) số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.</p> <p>c) Thành viên Hội đồng quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:</p> <p>(i) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;</p> <p>(ii) Uỷ quyền cho người khác đến dự họp và biểu quyết theo quy</p>	<p>Cập nhật, bổ sung, sửa đổi theo quy định pháp luật.</p>	<p>Khoản 9 Điều 157 Luật Doanh</p>

Điều lệ hiện tại	Điều lệ bổ sung, sửa đổi	Tóm tắt thay đổi chính	Giải trình
<p>12. Cuộc họp của Hội đồng quản trị có thể tổ chức theo hình thức nghi sự giữa các thành viên của Hội đồng quản trị khi tất cả hoặc một số thành viên đang ở những địa điểm khác nhau với điều kiện là mỗi thành viên tham gia họp đều có thể:</p> <p>.....</p> <p>Các quyết định được thông qua trong một cuộc họp qua điện thoại được tổ chức và tiến hành một cách hợp thức có hiệu lực ngay khi kết thúc cuộc họp nhưng phải được khẳng định bằng các chữ ký trong biên bản của tất cả thành viên Hội đồng quản trị tham dự cuộc họp này.</p>	<p>định tại điểm a, điểm e khoản 8 Điều này;</p> <p>(iii) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;</p> <p>(iv) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử;</p> <p>d) Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì dán kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất là 01 giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.</p> <p>e) Thành viên phải tham dự đầy đủ các cuộc họp Hội đồng quản trị. Thành viên được ủy quyền cho người khác dự họp và biểu quyết nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.</p> <p>12. Cuộc họp của Hội đồng quản trị có thể tổ chức theo hình thức trực tuyến (online) giữa các thành viên của Hội đồng quản trị khi tất cả hoặc một số thành viên đang ở những địa điểm khác nhau với điều kiện là mỗi thành viên tham gia họp đều có thể:</p> <p>.....</p> <p>Các quyết định được thông qua trong một cuộc họp trực tuyến (online) điện thoại được tổ chức và tiến hành một cách hợp thức có hiệu lực ngay khi kết thúc cuộc họp nhưng phải được khẳng định bằng các chữ ký trong biên bản và/hoặc được ghi âm tại cuộc họp của tất cả thành viên Hội đồng quản trị tham dự cuộc họp này.</p>		<p>nghiệp 2020</p>
<p>Điều lệ cũ chưa có, cần bổ sung thêm 01 Điều về việc thành lập và hoạt động của Hội đồng khoa học công nghệ của Công ty. (Các Điều tiếp theo được điều chỉnh số thứ tự để bổ sung tăng thêm 01 điều).</p>	<p>Điều 47. Hội đồng Khoa học của Công ty.</p> <p>1. Hội đồng khoa học Viện IMI (sau đây gọi tắt là Hội đồng khoa học) là tổ chức tư vấn của Công ty được thành lập theo Quyết định của Hội đồng quản trị Công ty, hoạt động không tập trung.</p> <p>2. Chức năng, nhiệm vụ của Hội đồng khoa học.</p> <p>a) Hội đồng khoa học có chức năng tư vấn cho Hội đồng quản trị,</p>	<p>Bổ sung thêm nhằm phù hợp chức năng, nhiệm vụ của Viện IMI theo Điều lệ này</p>	

Điều lệ hiện tại	Điều lệ bổ sung, sửa đổi	Tóm tắt thay đổi chính	Giải trình
	<p><i>Tổng giám đốc về công tác quản lý hoạt động nghiên cứu khoa học và đào tạo của Công ty.</i></p> <p><i>b) Nhiệm vụ của Hội đồng khoa học.</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - <i>Tư vấn cho Hội đồng quản trị Công ty về xây dựng mục tiêu, chương trình, định hướng phát triển khoa học của Công ty.</i> - <i>Tham gia ý kiến xây dựng, đề xuất đề tài khoa học công nghệ cấp Viện, cấp Bộ, cấp Nhà nước.</i> - <i>Tham gia ý kiến đối với việc đánh giá, xét duyệt các đề tài nghiên cứu khoa học, sáng kiến kinh nghiệm; Thông qua nội dung KHKT các đề tài khoa học công nghệ Công ty đang và chuẩn bị thực hiện.</i> - <i>Đề xuất khen thưởng các sáng kiến, đề tài nghiên cứu có chất lượng tốt.</i> - <i>Thực hiện các hoạt động tư vấn KH-CN khác.</i> <p><i>3. Cơ cấu, thành phần Hội đồng khoa học.</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - <i>Hội đồng khoa học có từ 10 đến 15 thành viên, đại diện cho các lĩnh vực/ngành kỹ thuật công nghệ chính trong hoạt động của Viện IMI, do HĐQT và Tổng giám đốc giới thiệu.</i> - <i>Thường trực Hội đồng gồm: Chủ tịch, 01 Phó chủ tịch và không quá 03 uỷ viên, được bầu bởi các thành viên Hội đồng khoa học theo nguyên tắc đa số;</i> - <i>Nhiệm vụ, quyền hạn của Chủ tịch, Phó chủ tịch Hội đồng khoa học được quy định trong Quy chế hoạt động của Hội đồng khoa học và Điều lệ này.</i> <p><i>4. Tiêu chuẩn của thành viên Hội đồng khoa học.</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - <i>Có trình độ Đại học và trên Đại học trong các chuyên ngành khoa học của Công ty.</i> - <i>Đã và/hoặc đang tham gia nghiên cứu, thực hiện: các đề tài, dự án khoa học công nghệ; hợp đồng thiết kế, cung cấp, chuyển giao công nghệ sản phẩm trong các lĩnh vực khoa học và công nghệ của Viện IMI hoặc đang tham gia quản lý khoa học và công nghệ, đào tạo tại Công ty.</i> 		

Điều lệ hiện tại	Điều lệ bổ sung, sửa đổi	Tóm tắt thay đổi chính	Giải trình
	<p>- Có uy tín trong đội ngũ cán bộ khoa học của Viện IML.</p> <p>5. Phương thức hoạt động của Hội đồng khoa học được quy định cụ thể trong Quy chế hoạt động của Hội đồng khoa học.</p>		
<p>Điều 49. Bổ nhiệm, miễn nhiệm Tổng Giám đốc.</p> <p>3. Tổng Giám đốc phải có các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:</p> <p>d) Tổng giám đốc Công ty không được là vợ hoặc chồng, cha đẻ, cha nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột, anh rể, em rể, chị dâu, em dâu của người quản lý Công ty và người đại diện phân vốn nhà nước tại Công ty.</p>	<p>Điều 50. Bổ nhiệm, miễn nhiệm Tổng Giám đốc.</p> <p>3. Tổng Giám đốc phải có các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:</p> <p>d) Tổng giám đốc Công ty không được là người có quan hệ gia đình của người quản lý, Kiểm soát viên của Công ty; của người đại diện phân vốn nhà nước tại Công ty, người đại diện phân vốn của doanh nghiệp khác tại Công ty.</p>	Sửa, bổ sung nội dung cho phù hợp	Điều 162 Luật Doanh nghiệp 2020
<p>Điều 50. Quyền hạn và nhiệm vụ của Tổng Giám đốc.</p> <p>3) Quyết định tất cả các vấn đề không cần phải có nghị quyết của Hội đồng quản trị, bao gồm việc thay mặt Công ty ký kết các hợp đồng tài chính và thương mại, tổ chức và điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh thường nhật của Công ty theo những thông lệ quản lý tốt nhất</p>	<p>Điều 51. Quyền hạn và nhiệm vụ của Tổng Giám đốc.</p> <p>3) Quyết định hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng khác có giá trị nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty, trừ các hợp đồng mua, bán tài sản Công ty hoặc chi nhánh phải có quyết định của HĐQT Công ty; các vấn đề khác không cần phải có nghị quyết của Hội đồng quản trị; tổ chức và điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh thường nhật của Công ty theo những thông lệ quản lý tốt nhất;</p> <p>9. Kiến nghị phương án trả cổ tức hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh;</p>	Bổ sung nội dung cho phù hợp	Khoản 3 Điều 162 Luật Doanh nghiệp 2020
<p>Điều 52. Thành viên và nhiệm kỳ của Ban kiểm soát.</p> <p>3. Các kiểm soát viên bầu một người trong số họ làm Trưởng Ban kiểm soát theo nguyên tắc đa số. Trưởng ban kiểm soát phải là kế toán viên hoặc kiểm toán viên chuyên nghiệp và phải làm việc chuyên trách tại Công ty.</p>	<p>Điều 53. Thành viên và nhiệm kỳ của Ban kiểm soát.</p> <p>3. Các kiểm soát viên bầu một người trong số họ làm Trưởng Ban kiểm soát theo nguyên tắc đa số. Trưởng Ban kiểm soát phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh chính của Công ty.</p>	Sửa, bổ sung nội dung cho phù hợp	Điều 168 Luật Doanh nghiệp 2020

Điều lệ hiện tại	Điều lệ bổ sung, sửa đổi	Tóm tắt thay đổi chính	Giải trình
<p>Điều 53. Tiêu chuẩn và điều kiện làm kiểm soát viên.</p> <p>1. Kiểm soát viên phải có các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:</p> <p>a) Có đủ năng lực hành vi dân sự và không thuộc đối tượng bị cấm thành lập và quản lý doanh nghiệp theo quy định của pháp luật.</p> <p>b) Kiểm soát viên phải là kiểm toán viên hoặc kế toán viên;</p>	<p>Điều 54. Tiêu chuẩn và điều kiện làm kiểm soát viên.</p> <p>1. Kiểm soát viên phải có các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:</p> <p>a) Có đủ năng lực hành vi dân sự và không thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật Doanh nghiệp;</p> <p>b) Được đào tạo một trong các chuyên ngành về kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành phù hợp với hoạt động kinh doanh chính của Công ty;</p> <p>c) Không phải là người có quan hệ gia đình của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người quản lý khác của Công ty;</p>	Sửa, bổ sung nội dung cho phù hợp	Điều 169 Luật Doanh nghiệp 2020
<p>Điều 54. Quyền hạn và trách nhiệm của Ban kiểm soát.</p> <p>1. Ban kiểm soát có quyền hạn và trách nhiệm theo quy định tại Điều 165 của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này, chủ yếu là những quyền hạn và trách nhiệm sau đây:</p> <p>d) Kiểm tra, thẩm định tính đầy đủ, hợp pháp và trung thực của báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính hàng năm, sáu tháng, quý, báo cáo đánh giá công tác của Hội đồng quản trị và báo cáo thẩm định tại Đại hội đồng cổ đông thường niên;</p> <p>4. Tiền lương, thù lao và quyền lợi khác của Kiểm soát viên được thực hiện theo quy định sau đây:</p> <p>a) Trưởng BKS được trả tiền lương; Kiểm soát viên được trả thù lao và các quyền lợi khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Đại hội đồng cổ đông quyết định tổng mức</p>	<p>Điều 55. Quyền hạn và trách nhiệm của Ban kiểm soát.</p> <p>1. Ban kiểm soát có quyền hạn và trách nhiệm theo quy định tại Điều 170 của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này, chủ yếu là những quyền hạn và trách nhiệm sau đây:</p> <p>d) Thẩm định tính đầy đủ, hợp pháp và trung thực của báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính hàng năm và 06 tháng của công ty, báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị và trình báo cáo thẩm định tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên. rà soát hợp đồng, giao dịch với người có liên quan thuộc thẩm quyền phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông và đưa ra khuyến nghị về hợp đồng, giao dịch cần có phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông;</p> <p>l) Sử dụng tư vấn độc lập, bộ phận kiểm toán nội bộ của công ty để thực hiện nhiệm vụ được giao.</p> <p>4. Tiền lương, thù lao và quyền lợi khác của Kiểm soát viên được thực hiện theo quy định sau đây:</p> <p>a) Trưởng BKS (làm việc chuyên trách tại Công ty) được trả tiền lương; Kiểm soát viên được trả thù lao và các quyền lợi khác theo</p>	Sửa, bổ sung nội dung cho phù hợp	Điều 170 Luật Doanh nghiệp 2020

Điều lệ hiện tại	Điều lệ bổ sung, sửa đổi	Tóm tắt thay đổi chính	Giải trình
<p>lương, thù lao và ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát;</p>	<p>quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Đại hội đồng cổ đông quyết định tổng mức lương, thù lao và ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát;</p>		
<p>Điều 55. Trách nhiệm cẩn trọng.</p> <p>Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc và cán bộ quản lý khác có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ của mình, kể cả những nhiệm vụ với tư cách thành viên các tiểu ban của Hội đồng quản trị, một cách trung thực vì lợi ích cao nhất của Công ty và với mức độ cẩn trọng mà một người thận trọng phải có khi đảm nhiệm vị trí tương đương và trong hoàn cảnh tương tự.</p>	<p>Điều 56. Trách nhiệm <i>trung thực</i>, cẩn trọng.</p> <p>1. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc và cán bộ quản lý khác có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ của mình, kể cả những nhiệm vụ với tư cách thành viên các tiểu ban của Hội đồng quản trị, một cách trung thực vì lợi ích cao nhất của Công ty và với mức độ cẩn trọng mà một người thận trọng phải có khi đảm nhiệm vị trí tương đương và trong hoàn cảnh tương tự.</p> <p>2. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc và cán bộ quản lý khác không được phép sử dụng những cơ hội kinh doanh có thể mang lại lợi ích cho Công ty vì mục đích cá nhân; đồng thời không được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để tư lợi cá nhân hay để phục vụ lợi ích của tổ chức hoặc cá nhân khác.</p> <p>3. Thông báo kịp thời, đầy đủ, chính xác cho Công ty về nội dung quy định tại khoản 2 Điều 57 của Điều lệ này;</p>	<p>Sửa, bổ sung nội dung cho phù hợp.</p> <p>Chuyển từ Điều 56 sang cho phù hợp.</p>	<p>Điều 165 Luật Doanh nghiệp 2020</p>
<p>Điều 56. Trách nhiệm <i>trung thực</i> và tránh các xung đột về quyền lợi.</p> <p>1. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc và cán bộ quản lý khác không được phép sử dụng những cơ hội kinh doanh có thể mang lại lợi ích cho Công ty vì mục đích cá nhân; đồng thời không được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để tư lợi cá nhân hay để phục vụ lợi ích của tổ chức hoặc cá nhân khác.</p> <p>2. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc và cán bộ quản lý khác có nghĩa vụ thông báo cho Hội đồng quản trị tất cả các lợi ích có thể gây xung đột với lợi ích của Công ty mà họ có thể được hưởng thông qua các pháp nhân kinh tế, các giao dịch hoặc cá nhân khác, <i>bao gồm:</i></p>	<p>Điều 57. Công khai các lợi ích liên quan và tránh các xung đột về quyền lợi.</p> <p>1. Công ty phải tập hợp và cập nhật danh sách những người có liên quan của công ty theo quy định tại khoản 7 Điều 1 Điều lệ này và các hợp đồng, giao dịch tương ứng của họ với công ty;</p> <p>2. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc và cán bộ quản lý khác có nghĩa vụ thông báo cho Hội đồng quản trị tất cả các lợi ích có thể gây xung đột với lợi ích của Công ty mà họ có thể được hưởng thông qua các pháp nhân kinh tế, các giao dịch hoặc cá nhân khác, <i>bao gồm:</i></p> <p>a) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà họ làm chủ hoặc sở hữu phần vốn góp</p>	<p>Sửa, bổ sung nội dung cho phù hợp.</p> <p>Chuyển khoản 1 từ Điều 56 sang Điều 55 cho phù hợp.</p>	

Điều lệ hiện tại	Điều lệ bổ sung, sửa đổi	Tóm tắt thay đổi chính	Giải trình
<p>nhân kinh tế, các giao dịch hoặc cá nhân khác.</p> <p>3. Công ty không cấp các khoản vay hoặc bảo lãnh cho các thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, cán bộ quản lý khác và những người có liên quan tới các thành viên nêu trên hoặc pháp nhân mà những người này có các lợi ích tài chính, trừ trường hợp các khoản vay hoặc bảo lãnh nêu trên đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.</p> <p>4. Hợp đồng hoặc giao dịch giữa Công ty với một hoặc nhiều thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, cán bộ quản lý khác hoặc những người liên quan đến họ hoặc công ty, đối tác, hiệp hội, hoặc tổ chức mà thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, cán bộ quản lý khác hoặc những người liên quan đến họ là thành viên, hoặc có liên quan lợi ích tài chính không bị vô hiệu hoá trong các trường hợp sau đây:</p> <p>a) Đối với hợp đồng có giá trị từ dưới 20% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những yếu tố quan trọng về hợp đồng hoặc giao dịch cũng như các mối quan hệ và lợi ích của cán bộ quản lý hoặc thành viên Hội đồng quản trị đã được báo cáo cho Hội đồng quản trị hoặc tiểu ban liên quan. Đồng thời, Hội đồng quản trị hoặc tiểu ban đó đã cho phép thực hiện hợp đồng hoặc giao dịch đó một cách trung thực bằng đa số phiếu tán thành của những thành viên Hội đồng không có lợi ích liên quan;</p> <p>b) Đối với những hợp đồng có giá trị lớn hơn 20% của tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những yếu tố quan trọng về hợp đồng hoặc giao dịch này cũng như mối quan hệ và lợi ích của cán bộ quản lý hoặc thành viên Hội đồng quản trị đã được công bố cho các cổ đông không có lợi ích liên quan có quyền biểu quyết về vấn đề đó, và những cổ đông đó đã bỏ phiếu tán thành hợp đồng hoặc giao dịch này;</p>	<p><i>hoặc cổ phần; tỷ lệ và thời điểm làm chủ, sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần đó;</i></p> <p><i>b) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà những người có liên quan của họ làm chủ, cùng sở hữu hoặc sở hữu riêng phần vốn góp hoặc cổ phần trên 10% vốn điều lệ;</i></p> <p><i>3. Việc kê khai quy định tại khoản 1 Điều này phải được thực hiện trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày phát sinh lợi ích liên quan; việc sửa đổi, bổ sung phải được thông báo với Công ty trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày có sửa đổi, bổ sung tương ứng;</i></p> <p><i>4. Việc lưu giữ, công khai, xem xét, trích lục, sao chép danh sách người có liên quan và lợi ích có liên quan được kê khai quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này được thực hiện như sau:</i></p> <p><i>a) Công ty phải thông báo danh sách người có liên quan và lợi ích có liên quan cho Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên;</i></p> <p><i>b) Danh sách người có liên quan và lợi ích có liên quan được lưu giữ tại trụ sở chính của doanh nghiệp; trường hợp cần thiết có thể lưu giữ một phần hoặc toàn bộ nội dung danh sách nói trên tại các chi nhánh của công ty;</i></p> <p><i>c) Cổ đông, đại diện theo ủy quyền của cổ đông, nhóm cổ đông sở hữu ít nhất 01% tổng số cổ phần phổ thông; thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và người quản lý khác của Công ty có quyền yêu cầu xem xét, trích lục và sao chép một phần hoặc toàn bộ nội dung kê khai. Yêu cầu phải bằng văn bản; phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, số Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu đối với cá nhân, cổ đông, đại diện theo ủy quyền của cổ đông, nhóm cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký doanh nghiệp đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm</i></p>	<p>Sửa, cập nhật, bổ sung nội dung theo quy định pháp luật.</p>	<p>Điều 164 Luật Doanh nghiệp 2020</p>

Điều lệ hiện tại	Điều lệ bổ sung, sửa đổi	Tóm tắt thay đổi chính	Giải trình
<p>e) Hợp đồng hoặc giao dịch đó được một tổ chức tư vấn độc lập cho là công bằng và hợp lý xét trên mọi phương diện liên quan đến các cổ đông của công ty vào thời điểm giao dịch hoặc hợp đồng này được Hội đồng quản trị hoặc một tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị hay các cổ đông cho phép thực hiện.</p> <p>Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, cán bộ quản lý khác và những người có liên quan với các thành viên nêu trên không được sử dụng các thông tin chưa được phép công bố của Công ty hoặc tiết lộ cho người khác để thực hiện các giao dịch có liên quan.</p>	<p><i>cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Công ty; vấn đề, thời gian và mục đích cần xem xét, trích lục và sao chép; phải gửi đến Công ty trước tối thiểu mười (10) ngày trước ngày dự định xem xét, trích lục và sao chép;</i></p> <p><i>d) Công ty phải tạo điều kiện để những người quy định tại điểm c khoản này tiếp cận, xem xét, trích lục, sao chép danh sách người có liên quan và lợi ích có liên quan một cách nhanh nhất, thuận lợi nhất; không được ngăn cản, gây khó khăn đối với họ trong thực hiện quyền này.</i></p> <p>5. Công ty không cấp các khoản vay hoặc bảo lãnh cho các thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, cán bộ quản lý khác và những người có liên quan tới các thành viên nêu trên hoặc pháp nhân mà những người này có các lợi ích tài chính, trừ trường hợp các khoản vay hoặc bảo lãnh nêu trên đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.</p> <p><i>6. Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận hợp đồng, giao dịch giữa công ty với người có liên quan sau đây:</i></p> <p><i>a) Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức sở hữu trên 10% tổng số cổ phần phổ thông của công ty và người có liên quan của họ;</i></p> <p><i>b) Thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc và người có liên quan của họ;</i></p> <p><i>c) Doanh nghiệp mà thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc và người quản lý khác của Công ty phải kê khai theo quy định tại khoản 2 Điều này.</i></p> <p><i>7. Hội đồng quản trị chấp thuận các hợp đồng, giao dịch theo quy định khoản 6 Điều này và có giá trị bằng hoặc nhỏ hơn 20% tổng giá trị tài sản của Công ty ghi trong báo cáo tài chính gần nhất. Trường hợp này, người đại diện Công ty ký hợp đồng, giao dịch phải thông báo cho thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên về các đối tượng có liên quan đối với hợp đồng, giao dịch đó và gửi kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc nội dung chủ yếu của giao dịch. Hội đồng quản trị quyết định việc chấp thuận hợp đồng, giao</i></p>		

Điều lệ hiện tại	Điều lệ bổ sung, sửa đổi	Tóm tắt thay đổi chính	Giải trình
	<p><i>dịch trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được thông báo; thành viên Hội đồng quản trị có lợi ích liên quan đến các bên trong hợp đồng, giao dịch không có quyền biểu quyết.</i></p> <p><i>8. Đại hội đồng cổ đông chấp thuận hợp đồng, giao dịch theo quy định khoản 6 Điều này và có giá trị lớn hơn 20% tổng giá trị tài sản của Công ty ghi trong báo cáo tài chính gần nhất. Trường hợp này, người đại diện Công ty ký hợp đồng, giao dịch phải thông báo cho Hội đồng quản trị và Kiểm soát viên về đối tượng có liên quan đối với hợp đồng, giao dịch đó và gửi kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc thông báo nội dung chủ yếu của giao dịch. Hội đồng quản trị trình dự thảo hợp đồng, giao dịch hoặc giải trình về nội dung chủ yếu của hợp đồng, giao dịch tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản. Trường hợp này, cổ đông có lợi ích liên quan đến các bên trong hợp đồng, giao dịch không có quyền biểu quyết; hợp đồng, giao dịch được chấp thuận theo tỷ lệ biểu quyết quy định tại khoản 3 Điều 36 của Điều lệ này;</i></p> <p><i>9. Hợp đồng, giao dịch bị vô hiệu theo quyết định của Tòa án và xử lý theo quy định của pháp luật khi được ký kết không đúng với quy định tại Điều này; người ký kết hợp đồng, giao dịch, cổ đông, thành viên Hội đồng quản trị hoặc Tổng giám đốc có liên quan phải liên đới bồi thường thiệt hại phát sinh, hoàn trả cho Công ty khoản lợi thu được từ việc thực hiện hợp đồng, giao dịch đó.</i></p> <p><i>10. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, cán bộ quản lý khác và những người có liên quan với các thành viên nêu trên không được sử dụng các thông tin chưa được phép công bố của Công ty hoặc tiết lộ cho người khác để thực hiện các giao dịch có liên quan.</i></p> <p><i>11. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc nhân danh cá nhân hoặc nhân danh người khác để thực hiện công việc dưới mọi hình thức trong phạm vi công việc kinh doanh của Công ty đều phải giải trình bản chất, nội dung của công việc đó trước Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và chỉ được thực hiện khi được đa số thành viên còn lại của Hội đồng quản trị chấp thuận; nếu thực hiện mà</i></p>		

Điều lệ hiện tại	Điều lệ bổ sung, sửa đổi	Tóm tắt thay đổi chính	Giải trình
	<p><i>không khai báo hoặc không được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị thì tất cả thu nhập có được từ hoạt động đó thuộc về Công ty.</i></p>		
<p style="text-align: center;">CHƯƠNG V MỤC II NGƯỜI TRỰC TIẾP QUẢN LÝ VỐN GÓP CỦA CÔNG TY Ở CÔNG TY CON, CÔNG TY LIÊN KẾT</p> <p>Điều 65. Tiêu chuẩn và điều kiện của người trực tiếp quản lý phần vốn góp của Công ty ở các công ty con, công ty liên kết</p> <p>1. Người trực tiếp quản lý phần vốn góp của Công ty tại các công ty con, công ty liên kết phải đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:</p> <ol style="list-style-type: none"> a) Là công dân Việt Nam, thường trú tại Việt Nam và là thành viên HĐQT hoặc cán bộ quản lý của Công ty; b) Có sức khỏe, phẩm chất đạo đức tốt, trung thực, liêm khiết để đảm đương nhiệm vụ; c) Hiểu biết pháp luật và có ý thức chấp hành pháp luật; d) Có trình độ đại học, năng lực kinh doanh và năng lực quản lý doanh nghiệp các công ty con, công ty liên kết mà Công ty có vốn góp; e) Không là bố, mẹ, vợ hoặc chồng, con, anh, chị, em ruột của Chủ tịch HĐQT, thành viên HĐQT, Tổng giám đốc Công ty; của người trong Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên, Chủ tịch công ty, Giám đốc của các công ty con, công ty liên kết mà người đó được cử làm người trực tiếp quản lý phần vốn góp của Công ty; <p>2. Người đại diện phần vốn góp của Công ty tại các công ty con, công ty liên kết được đề cử, tham gia ứng cử vào Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên, Chủ tịch Công ty, Giám đốc (Tổng giám đốc) hoặc các chức danh quản lý khác tại các công ty con, công ty liên kết trên cơ sở Điều lệ của các công ty con, công ty liên kết và các quy định của pháp luật.</p>	<p style="text-align: center;">CHƯƠNG V MỤC II NGƯỜI TRỰC TIẾP QUẢN LÝ VỐN GÓP CỦA CÔNG TY Ở CÔNG TY CON, CÔNG TY LIÊN KẾT</p> <p>Điều 66. Tiêu chuẩn và điều kiện của người trực tiếp quản lý phần vốn góp của Công ty ở các công ty con, công ty liên kết</p> <p>1. 1. Người trực tiếp quản lý phần vốn góp của Công ty tại các công ty con, công ty liên kết (sau đây gọi tắt là người đại diện vốn của Công ty) phải đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:</p> <ol style="list-style-type: none"> f) Là công dân Việt Nam, thường trú tại Việt Nam và là thành viên HĐQT hoặc cán bộ quản lý của Công ty; g) Có sức khỏe, phẩm chất đạo đức tốt, trung thực, liêm khiết để đảm đương nhiệm vụ; h) Hiểu biết pháp luật và có ý thức chấp hành pháp luật; i) Có trình độ đại học, năng lực kinh doanh và năng lực quản lý doanh nghiệp các công ty con, công ty liên kết mà Công ty có vốn góp; a) Không được là người có quan hệ gia đình của người quản lý, kiểm soát viên Công ty; của người đại diện phần vốn nhà nước tại Công ty, người đại diện phần vốn của doanh nghiệp khác tại Công ty; của thành viên Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên, Chủ tịch công ty, Giám đốc của các công ty con, công ty liên kết mà người đó được cử làm người đại diện vốn của Công ty; <p>2. Người đại diện vốn của Công ty được đề cử, tham gia ứng cử vào Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên, Chủ tịch Công ty, Giám đốc (Tổng giám đốc) hoặc các chức danh quản lý khác tại các công ty con, công ty liên kết trên cơ sở Điều lệ của các công ty con, công ty liên kết và các quy định của pháp luật.</p> <p>3. Người đại diện vốn của Công ty chỉ được tham gia quản lý</p>	<p>Sửa, cập nhật, bổ sung nội dung theo quy định pháp luật.</p>	<p>Điều 20, 21, 22, Nghị định 47/2021/NĐ-CP</p>

Điều lệ hiện tại	Điều lệ bổ sung, sửa đổi	Tóm tắt thay đổi chính	Giải trình
	<p>chuyên trách tại 01 công ty con hoặc công ty liên kết; được tham gia quản lý không chuyên trách tại tối đa 03 công ty con hoặc công ty liên kết.</p>		
<p style="text-align: center;">CHƯƠNG VII MỤC I TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, QUỸ DỰ TRỮ, NĂM TÀI CHÍNH VÀ HỆ THỐNG KẾ TOÁN</p> <p>Điều 69. Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ.</p> <p>Hàng năm, Công ty sẽ phải trích từ lợi nhuận sau thuế của mình một khoản vào quỹ dự trữ để bổ sung vốn điều lệ theo quy định của pháp luật. Khoản trích này không được vượt quá 5% lợi nhuận sau thuế của Công ty và được trích cho đến khi quỹ dự trữ bằng 10% vốn điều lệ của Công ty</p>	<p style="text-align: center;">CHƯƠNG VII MỤC I TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, QUỸ DỰ TRỮ, NĂM TÀI CHÍNH VÀ HỆ THỐNG KẾ TOÁN</p> <p>Điều 70. Quỹ đầu tư phát triển dự trữ bổ sung vốn điều lệ.</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Đại hội đồng cổ đông quyết định việc trích và mức trích lợi nhuận sau thuế bổ sung vào quỹ đầu tư phát triển của Công ty theo quy định pháp luật và Điều lệ Công ty; 2. Quỹ đầu tư phát triển được dùng để thực hiện các dự án đầu tư phát triển doanh nghiệp; đổi mới trang thiết bị, nâng cao năng lực và điều kiện làm việc trong doanh nghiệp; 3. HĐQT Công ty phải xây dựng và ban hành quy định cụ thể để sử dụng quỹ đầu tư phát triển đúng mục đích và đúng đối tượng theo quy định hiện hành. 		

Điều lệ hiện tại	Điều lệ bổ sung, sửa đổi	Tóm tắt thay đổi chính	Giải trình
<p>Điều 72. Phân phối lợi nhuận.</p> <ol style="list-style-type: none"> Đại hội đồng cổ đông quyết định mức chi trả cổ tức và hình thức chi trả cổ tức hàng năm từ lợi nhuận được giữ lại của Công ty. Theo quy định của Luật Doanh nghiệp, HĐQT có thể quyết định tạm ứng cổ tức giữa kỳ nếu xét thấy việc chi trả này phù hợp với khả năng sinh lời của Công ty. Công ty không thanh toán lãi cho khoản tiền trả cổ tức hay khoản tiền chi trả liên quan tới một loại cổ phiếu. Hội đồng quản trị có thể đề nghị ĐHĐCĐ thông qua việc thanh toán toàn bộ hoặc một phần cổ tức bằng cổ phiếu và HĐQT là cơ quan thực thi quyết định này. Trường hợp cổ tức hay những khoản tiền khác liên quan tới một loại cổ phiếu được chi trả bằng tiền mặt, Công ty phải chi trả bằng tiền đồng Việt Nam. Việc chi trả có thể thực hiện trực tiếp hoặc thông qua các ngân hàng trên cơ sở các thông tin chi tiết về ngân hàng do cổ đông cung cấp. Trường hợp Công ty đã chuyển khoản theo đúng các thông tin chi tiết về ngân hàng do cổ đông cung cấp mà cổ đông đó không nhận được tiền, Công ty không phải chịu trách nhiệm về khoản tiền Công ty chuyển cho cổ đông thụ hưởng. Việc thanh toán cổ tức đối với các cổ phiếu niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán có thể được tiến hành thông qua công ty chứng khoán hoặc Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam. Căn cứ Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết xác định một ngày cụ thể để chốt danh sách cổ đông. Căn cứ theo ngày đó, những người đăng ký với tư cách cổ đông hoặc người sở hữu các chứng khoán khác được quyền nhận cổ tức, lãi suất, phân phối lợi nhuận, nhận cổ phiếu, nhận thông báo hoặc tài liệu khác. 	<p>Điều 73. Phân phối lợi nhuận.</p> <ol style="list-style-type: none"> Đại hội đồng cổ đông quyết định mức chi trả cổ tức và hình thức chi trả cổ tức hàng năm từ lợi nhuận được giữ lại của Công ty, theo nguyên tắc và thứ tự như sau: <ul style="list-style-type: none"> Bù đắp khoản lỗ của các năm trước đã hết thời hạn được trừ vào lợi nhuận trước thuế theo quy định. Trích tối đa 30% vào quỹ đầu tư phát triển theo quy định tại Điều 70 Điều lệ này. Trích quỹ khen thưởng, quỹ phúc lợi cho người lao động trong Công ty, quỹ thưởng người quản lý, điều hành Công ty theo quy định; Lợi nhuận còn lại thực hiện chia hết cổ tức, lợi nhuận bằng tiền cho các cổ đông. Công ty có trách nhiệm nộp vào ngân sách nhà nước khoản cổ tức, lợi nhuận được chia cho phần vốn nhà nước tại Công ty theo quy định. Theo quy định của Luật Doanh nghiệp, HĐQT có thể quyết định tạm ứng cổ tức giữa kỳ nếu xét thấy việc chi trả này phù hợp với khả năng sinh lời của Công ty. Công ty không thanh toán lãi cho khoản tiền trả cổ tức hay khoản tiền chi trả liên quan tới một loại cổ phiếu. Hội đồng quản trị có thể đề nghị ĐHĐCĐ thông qua việc thanh toán toàn bộ hoặc một phần cổ tức bằng cổ phiếu sau khi được cơ quan nhà nước có thẩm quyền chấp thuận. và HĐQT là cơ quan thực thi quyết định này. Trường hợp cổ tức hay những khoản tiền khác liên quan tới một loại cổ phiếu được chi trả bằng tiền mặt, Công ty phải chi trả bằng tiền đồng Việt Nam. Việc chi trả có thể thực hiện trực tiếp hoặc thông qua các ngân hàng trên cơ sở các thông tin chi tiết về ngân hàng do cổ đông cung cấp. Trường hợp Công ty đã chuyển khoản theo đúng các thông tin chi tiết về ngân hàng do cổ đông cung cấp mà cổ đông đó không nhận được tiền, Công ty không phải chịu trách nhiệm về khoản tiền Công ty chuyển cho cổ đông thụ hưởng. Việc thanh toán cổ tức đối với các cổ phiếu niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán có thể được tiến hành thông qua công ty chứng khoán hoặc Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt 		

Điều lệ hiện tại	Điều lệ bổ sung, sửa đổi	Tóm tắt thay đổi chính	Giải trình
	<p>Nam.</p> <p>6. Căn cứ Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết xác định một ngày cụ thể để chốt danh sách cổ đông. Căn cứ theo ngày đó, những người đăng ký với tư cách cổ đông hoặc người sở hữu các chứng khoán khác được quyền nhận thông báo hoặc tài liệu khác; nhận cổ tức, lãi suất, phân phối lợi nhuận, nhận cổ phiếu.</p>		
<p style="text-align: center;">CHƯƠNG V MỤC III</p> <p style="text-align: center;">— BẢO CÁO THƯỜNG NIÊN, TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN, THÔNG BÁO RA CÔNG CHỨNG</p> <p>Điều 73. Báo cáo năm, sáu tháng và quý</p> <p>1. Công ty phải lập bản báo cáo tài chính năm theo quy định của pháp luật cũng như các quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và báo cáo phải được kiểm toán theo quy định tại Điều 75 của Điều lệ này, và trong thời hạn 150 ngày kể từ khi kết thúc mỗi năm tài chính, phải nộp báo cáo tài chính hàng năm đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua cho cơ quan thuế có thẩm quyền, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và cơ quan đăng ký kinh doanh.</p> <p>2. Báo cáo tài chính năm phải bao gồm báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình về lãi và lỗ của Công ty trong năm tài chính và bản cân đối kế toán phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình các hoạt động của Công ty cho đến thời điểm lập báo cáo, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và thuyết minh báo cáo tài chính. Trường hợp Công ty là công ty mẹ, ngoài báo cáo tài chính năm còn phải bao gồm bản cân đối kế toán tổng hợp về tình hình hoạt động của Công ty và các công ty con vào cuối mỗi năm tài chính.</p> <p>3. Công ty phải lập và công bố các báo cáo sáu tháng và quý</p>	<p style="text-align: center;">CHƯƠNG V MỤC III</p> <p style="text-align: center;">TRÁCH NHIỆM BẢO CÁO VÀ CÔNG BỐ THÔNG TIN</p> <p>Điều 74. Nguyên tắc, hình thức và phương tiện báo cáo và công bố thông tin.</p> <p>1. Việc báo cáo và công bố thông tin của Công ty phải đầy đủ, chính xác và kịp thời theo quy định của pháp luật;</p> <p>2. Việc công bố thông tin do người đại diện theo pháp luật của Công ty hoặc người được ủy quyền công bố thông tin thực hiện. Trường hợp thực hiện công bố thông tin thông qua người được ủy quyền, Công ty phải gửi Giấy ủy quyền theo mẫu quy định đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền; đồng thời công khai nội dung này trên trang thông tin điện tử của Công ty.</p> <p>Người đại diện theo pháp luật của Công ty hoặc người được ủy quyền công bố thông tin chịu trách nhiệm về tính đầy đủ, kịp thời, trung thực và chính xác của thông tin được công bố.</p> <p>3. Báo cáo công bố thông tin được xây dựng theo mẫu quy định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền;</p> <p>4. Báo cáo công bố thông tin phải được duy trì trên trang thông tin điện tử của Công ty và Cổng thông tin doanh nghiệp tối thiểu 05 năm.</p> <p>5. Hình thức công bố thông tin gồm văn bản và dữ liệu điện tử.</p> <p>6. Các phương tiện báo cáo, công bố thông tin, bao gồm:</p> <p>a) Trang thông tin điện tử của doanh nghiệp; đồng thời gửi báo</p>		

Điều lệ hiện tại	Điều lệ bổ sung, sửa đổi	Tóm tắt thay đổi chính	Giải trình
<p>theo các quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và nộp cho cơ quan thuế hữu quan và cơ quan đăng ký kinh doanh theo các quy định của Luật Doanh nghiệp.</p> <p>4. Các báo cáo tài chính được kiểm toán (bao gồm ý kiến của kiểm toán viên), báo cáo sáu tháng và quý của công ty phải được công bố trên website của Công ty.</p> <p>5. Các tổ chức, cá nhân quan tâm đều được quyền kiểm tra hoặc sao chụp bản báo cáo tài chính hàng năm đã được kiểm toán, báo cáo sáu tháng và quý trong giờ làm việc của Công ty, tại trụ sở chính của Công ty và phải trả một mức phí hợp lý cho việc sao chụp.</p>	<p><i>cáo tới cơ quan nhà nước có thẩm quyền;</i></p> <p>b) Công thông tin doanh nghiệp.</p> <p>7. Công ty sử dụng tài khoản công bố thông tin trên Cổng thông tin doanh nghiệp để cập nhật thông tin cơ bản của doanh nghiệp và đăng tải báo cáo; Công ty có trách nhiệm bảo quản tài khoản, mật khẩu theo quy định;</p> <p>8. Tài khoản công bố thông tin của Công ty trên Cổng thông tin doanh nghiệp bao gồm các nội dung sau:</p> <p>a) Thông tin về người đại diện theo pháp luật: Họ và tên, số chứng minh nhân dân/số thẻ căn cước công dân; số điện thoại; thư điện tử; chức vụ.</p> <p>b) Thông tin cơ bản về doanh nghiệp: Tên; mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, điện thoại, thư điện tử, trang thông tin điện tử; tỷ lệ vốn nhà nước tại doanh nghiệp và cơ quan đại diện chủ sở hữu (nếu có).</p> <p>9. Các tổ chức, cá nhân quan tâm đều được quyền kiểm tra hoặc sao chụp bản báo cáo tài chính hàng năm đã được kiểm toán, báo cáo sáu tháng và quý trong giờ làm việc của Công ty, tại trụ sở chính của Công ty và phải trả một mức phí hợp lý cho việc sao chụp.</p>		
<p>Điều 74. Báo cáo thường niên.</p> <p>Công ty phải lập và công bố Báo cáo thường niên theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.</p>	<p>Điều 75. Các thông tin công bố định kỳ và công bố bất thường.</p> <p>1. Công ty phải định kỳ công bố các thông tin sau đây:</p> <p>a) Thông tin cơ bản về doanh nghiệp và Điều lệ công ty;</p> <p>b) Báo cáo đánh giá về kết quả thực hiện kế hoạch sản xuất, kinh doanh hằng năm theo nội dung, biểu mẫu quy định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền và quy định pháp luật; thời hạn công bố trước ngày 30 tháng 6 của năm liền sau năm thực hiện;</p> <p>c) Báo cáo thực trạng quản trị và cơ cấu tổ chức 06 tháng của Công ty theo nội dung, biểu mẫu quy định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền và quy định pháp luật; thời hạn công bố trước ngày 31 tháng 7 hằng năm;</p> <p>d) Báo cáo thực trạng quản trị và cơ cấu tổ chức hằng năm của Công ty theo nội dung, biểu mẫu quy định của cơ quan nhà nước</p>	<p>Sửa, cập nhật, bổ sung nội dung theo quy định pháp luật.</p>	<p>Điều 23, 24, 25 Nghị định 47/2021/NĐ-CP</p>

Điều lệ hiện tại	Điều lệ bổ sung, sửa đổi	Tóm tắt thay đổi chính	Giải trình
	<p><i>có thẩm quyền và quy định pháp luật; thời hạn công bố trước ngày 30 tháng 6 của năm liền sau năm thực hiện;</i></p> <p><i>e) Báo cáo và tóm tắt báo cáo tài chính giữa năm đã được kiểm toán bởi tổ chức kiểm toán độc lập, bao gồm báo cáo tài chính của công ty mẹ và báo cáo tài chính hợp nhất (nếu có) theo quy định pháp luật về kế toán doanh nghiệp; thời hạn công bố trước ngày 31 tháng 7 hàng năm;</i></p> <p><i>f) Báo cáo và tóm tắt báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán bởi tổ chức kiểm toán độc lập, bao gồm báo cáo tài chính của công ty mẹ và báo cáo tài chính hợp nhất (nếu có) theo quy định pháp luật về kế toán doanh nghiệp; thời hạn công bố trong vòng 150 ngày kể từ ngày kết thúc năm tài chính.</i></p> <p><i>2. Công ty phải công bố trên trang thông tin điện tử, và niêm yết công khai tại trụ sở chính của Công ty; Cổng thông tin doanh nghiệp và gửi cơ quan nhà nước có thẩm quyền về các thông tin bất thường trong thời hạn 36 giờ kể từ khi xảy ra một trong các sự kiện quy định tại khoản 1 Điều 110 Luật Doanh nghiệp.</i></p> <p><i>3. Công ty thực hiện báo cáo và đăng tải các thông tin quy định tại Điều 23, Điều 24 Nghị định này trên trang thông tin điện tử của doanh nghiệp, Cổng thông tin doanh nghiệp đúng thời hạn; đồng thời gửi báo cáo tới cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định.</i></p>		
<p>Điều 82. Ngày hiệu lực và đăng ký Điều lệ.</p> <p>1. Bản Điều lệ này gồm 12 Chương, 82 Điều, được Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Viện Máy và Dụng cụ công nghiệp nhất trí thông qua ngày 29 tháng 06 năm 2018 tại Hà Nội và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của Điều lệ này.</p> <p>4. Các bản sao hoặc trích lục Điều lệ Công ty có giá trị khi có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc tối thiểu một phần hai (1/2) tổng số thành viên Hội đồng quản trị.</p>	<p>Điều 83. Ngày hiệu lực và đăng ký Điều lệ.</p> <p>1. Bản Điều lệ này gồm 12 Chương, 83 Điều, được Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Viện Máy và Dụng cụ công nghiệp nhất trí thông qua ngày tháng năm 20..... tại Hà Nội và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của Điều lệ này.</p> <p>4. Các bản sao hoặc trích lục Điều lệ Công ty có giá trị khi có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc tối thiểu một phần hai (1/2) tổng số thành viên Hội đồng quản trị và của người đại diện theo pháp luật.</p>	<p>Cập nhật, bổ sung nội dung theo quy định pháp luật.</p>	

Đề nghị ĐHCĐ nghiên cứu và cho ý kiến thông qua Phiếu lấy ý kiến cổ đông.